

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 81/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Chị Diệp Thị T, sinh năm 1994; thường trú: Thôn 2, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; tạm trú: Số 26C/9A, khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương;

2/ Anh Từ Hữu L, sinh năm 1991; thường trú: Thôn 2, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; tạm trú: Số 26C/9A, khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Căn cứ vào các Điều 212; 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành của Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương ngày 24 tháng 01 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành của Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương ngày 24 tháng 01 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Diệp Thị Trang và anh Từ Hữu Long.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Diệp Thị T và anh Từ Hữu L thuận tình ly hôn (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 21/2012, quyển số 01/2012 ngày 26/4/2012 do Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Quảng T, tỉnh Quảng Bình cấp).

- Về con chung: Anh Từ Hữu L giao con chung tên Từ Diệp Tiểu M, sinh ngày 13/12/2014 cho chị Diệp Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi

tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau ly hôn, anh Từ Hữu L và chị Diệp Thị T có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh chị thực hiện quyền này. Trường hợp anh L lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc chị T nuôi con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh L theo quy định của pháp luật. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Anh Từ Hữu L và chị Diệp Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh Từ Hữu L và chị Diệp Thị T chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0028041 ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- Đương sự;
- UBND xã Q;
- Lưu: VP; Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Liễn